TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H, TỈNH B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2017/HSST
Ngày: 21-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH B

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Học
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Minh Dũng
Ông Nguyễn Chí Vương

- ***Thư ký phiên tòa*:** bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2017/HSST ngày 04/7/2017 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Hồ Văn Đ, sinh năm 1993 tại tỉnh B.

Tên gọi khác: Không

HKTT: Tổ 6, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh B.

Nơi thường trú: Tổ 6, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Hồ Văn T, sinh năm 1958 và bà Vũ Thị Q, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh B.

Bị cáo thứ hai: Bùi Xuân V, sinh năm 1994 tại thành phố H.

Tên gọi khác: È

HKTT: số 551/35 đường Đoàn Văn Bơ, phường 13, quận 4, thành phố H.

Nơi thường trú: Tổ 4, ấp N, xã T, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: làm rẫy; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Bùi Xuân P, sinh năm 1956 và bà Phan Ngọc N, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh B.

Bị cáo thứ ba: Lê Phúc H, sinh năm 1990 tại tỉnh B.

Tên gọi khác: Không

HKTT: tổ 3, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh B.

Nơi thường trú: tổ 3, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Phúc H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị

L, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang bị bắt tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh B.(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Những người bị hại:

1/ Bà Mai Cao N, sinh năm 1991; nơi cư trú: tổ 7, ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh B.

2/ Ông Điểu T, sinh năm 1975; nơi cư trú: tổ 8, ấp 3, xã A, huyện H, tỉnh B.

3/ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1963; nơi cư trú: tổ 4, ấp Q, xã T, huyện H, tỉnh B.

4/ Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1974; nơi cư trú: tổ 8, khu phố X, phường H, thị xã L, tỉnh B.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Hồ Văn T, sinh năm: 1958; nơi cư trú: tổ 6, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh B.

2/ Ông Bùi Xuân P, sinh năm: 1956; nơi cư trú: tổ 4, ấp N, xã T, huyện H, tỉnh B.

3/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1964; nơi cư trú: tổ 3, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh B.

(Các bị hại vắng mặt; người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông T, ông P có mặt, bà L vắng mặt nhưng ông Lê Phúc E (cha bị cáo H) có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Hồ Văn Đ và Bùi Xuân V đã bàn bạc với nhau đi chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài. Trong thời gian từ tháng 9/2015 đến tháng 12/2015, Hồ Văn Đ và Bùi Xuân V đã thực hiện 02 vụ cướp tài sản và 02 vụ trộm cắp tài sản.

Vụ thứ 1: Khoảng 20 giờ ngày 30/9/2015, Hồ Văn Đ, Bùi Xuân V bàn bạt, rủ nhau đến khu vực tổ 7, ấp Q, xã T là nơi vắng người, ít người qua lại để chặn xe mô tô của người đi đường bán lấy tiền tiêu xài; V dùng cây gỗ chặn ngang đường nhằm những người đi qua đoạn đường này phát hiện sẽ giảm tốc độ để các bị cáo dễ thực hiện hành vi phạm tội. Khoảng 20 phút sau có chị Mai Cao N điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển kiểm soát 93T9-0311 đi ngang qua nên Đ điều khiển xe mô tô hiệu Dream biển kiểm soát 93P1-338.21 chạy đuổi theo ép xe mô tô của chị N và chiếm đoạt được xe mô tô biển kiểm soát 93T9-0311của chị N; sau khi chiếm đoạt bị cáo V bán xe mô tô trên cho Trương Công T được 2.700.000đ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Căn cứ kết luận định giá tài sản xác định: Xe mô tô biển kiểm soát 93T9-0311 của chị Mai Cao N bị V và Đ chiếm đoạt trị giá 9.083.500đ (chín triệu không trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng); Trương Công T không thừa nhận hành vi tiêu thụ tài sản cho người khác phạm tội mà có và đã đi khỏi địa phương nên Cơ quan Điều tra xử lý sau.

Vụ thứ 2: Khoảng 20 giờ ngày 28/10/2015 trên đường về nhà, khi đến đoạn đường thuộc tổ 6, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh B thì Hồ Văn Đ nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Air Blade biển kiểm soát 93E1-126.18 của anh Điểu Thu đang dựng ở bên phải đường trong lô cao su cách đường khoảng 05m nên Đ nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh Điểu T và rủ V cùng tham gia, sau đó Đ cùng với Bùi Xuân V đến trộm cắp xe mô tô của anh Điểu T. Đến sáng ngày hôm sau Đ bán xe mô tô trên cho Lê Phúc H được 4.000.000đ, chia nhau tiêu xài.

Căn cứ kết luận định giá tài sản xác định: Xe mô tô biển kiểm soát 93E1-126.18 của anh Điểu T bị Bùi Xuân V và Hồ Văn Đ chiếm đoạt trị giá 18.510.300đ.

Vụ thứ 3: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 02/12/2015, do nhìn thấy trong sân nhà mình có nhiều xe mô tô nên Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô mang bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 12 giờ cùng ngày Hồ Văn Đ đến gặp V, nói "*nhà tao tổ chức ăn nhậu, bạn bố tao tới, mày lấy chiếc xe nào thì lấy*". Sau đó V đến nhà Đ nhìn thấy ở ngoài lô cao su có 01 xe mô tô hiệu Wave RSX biển kiểm soát 93C1-026.58 của ông Nguyễn Minh T, chìa khóa vẫn cắm trên ổ khóa xe, do mọi người đang ngồi uống rượu tại phòng khách nhà Đ, không chú ý quan sát nên V ngồi lên xe mô tô nổ máy và chạy lên ngã ba Đ, thuộc huyện Lh, tỉnh B. Trên đường đi V gọi điện thoại cho Lê Phúc H nhờ bán xe vừa trộm được, sau đó H điều khiển xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 93C1-057.13 lên ngã ba Đ gặp V, tại đây H nói V bán xe cho một người tên H không xác định nhân thân với giá 4.000.000đ.

Căn cứ kết luận định giá tài sản xác định: Xe mô tô biển kiểm soát 93C1-026.58 của ông Nguyễn Minh T bị Bùi Xuân V và Hồ Văn Đ chiếm đoạt trị giá 17.000.000đ.

Vụ thứ 4: Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 11/12/2015, Hồ Văn Đ điều khiển xe mô tô chở V phía sau ép sát xe mô tô do chị Trần Thị Kim N đang lưu thông trên đường để V dùng chân đạp ngã chị N rồi dùng mũ bảo hiểm đánh vào đầu chị N và chiếm đoạt được 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 93E1-078.32 và một số tài sản khác của chị Trần Thị Kim N xảy ra trên đường Quốc lộ 13 thuộc tổ 06 khu phố Đ, phường H, thị xã L, tỉnh B với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 38.250.000đ.

Tại bản cáo trạng số 31/CTr-VKS ngày 04/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh B đã truy tố Bùi Xuân V và Hồ Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản và cướp tài sản" theo khoản 01 Điều 138 và điểm d khoản 02 Điều 133 của Bộ luật hình sự. Truy tố Lê Phúc H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 01 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Bùi Xuân V, Hồ Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản và cướp tài sản" theo khoản 01 Điều 138 và điểm d khoản 02 Điều 133 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Phúc H về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 01 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản điểm d khoản 02 Điều 133, khoản 01 Điều 138, điểm b, p khoản 01, 02 Điều 46, Điều 33, điểm g khoản 01 Điều 48 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Hồ Văn Đ từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù về tội

Cướp tài sản và từ 01(một) năm đến 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội trộm cắp tài sản; áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, bị cáo Hồ Văn Đ phải chịu hình phạt chung từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm 04 (bốn) tháng tù.

Áp dụng khoản điểm d khoản 02 Điều 133, khoản 01 Điều 138, điểm b, p khoản 01, 02 Điều 46, Điều 33, điểm g khoản 01 Điều 48 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Bùi Xuân V từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội cướp tài sản và từ 09 (chín) tháng đến 01 (mộ) năm tù về tội trộm cắp tài sản; áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, bị cáo Bùi Xuân V phải chịu hình phạt chung từ 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 01 Điều 250, điểm b, p khoản 01, 02 Điều 46, Điều 33, điểm g khoản 01 Điều 48 của Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo Lê Phúc H từ 09 (chín) tháng đến 10 (mười) tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Trương Công T, quá trình điều tra Bùi Xuân V khai nhận Tuấn có hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, tuy nhiên Tuấn không thừa nhận hành vi trên, hiện nay T đã bỏ trốn khỏi địa phương nên cơ quan điều tra chưa làm rõ được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên H do cơ quan điều tra không xác định được nhân thân của H nên không có căn cứ xử lý.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với xe mô tô Dream biển kiểm soát 93P1-338.21 do Hồ Văn Đ và Bùi Xuân V làm phương tiện để thực hiện hành vi cướp tài sản, do xe mô tô trên đã bị mất nên không làm rõ và thu hồi được.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 93C1-074.53 và xe mô tô biển kiểm soát 93H2-2951 ông Hồ Văn T đã bán cho người khác không rõ nhân thân nên không làm rõ và thu hồi được.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 93F2-1021 do V và Đ sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, hiện nay xe mô tô nói trên ông Bùi Xuân P đã bán cho người khác không rõ nhân thân nên không thu hồi được để xử lý theo pháp luật.

Đối với điện thoại di động của Hồ Văn Đ và Bùi Xuân V sử dụng liên lạc với nhau để thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan điều tra không thu hồi được nên không có cơ sở xử lý.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 93T9-0311 của chị Mai Cao N, xe mô tô biển kiểm soát 93E1-126.18 của anh Điều T, xe mô tô biển kiểm soát 93C1-026.58 của ông Nguyễn Minh T do cơ quan điều tra không thu hồi lại được nên không xem xét.

Hiện không có đủ cơ sở xử lý đối với Nguyễn Anh N và Nguyễn Tuấn V(Cu hai), Cơ quan Điều tra xác minh làm rõ xử lý sau.

Ông Hoàng Văn H nhận cầm cố chiếc xe hiệu Airblade biển kiểm soát 93E1-07832 do chị Trần Thị Kim N đứng tên đăng ký từ Nguyễn Anh N, không đúng với

chủ sở hữu tài sản, hiện không đủ cơ sở giải quyết phần dân sự trong vụ án này, ông H, anh N giải quyết trong vụ án dân sự khác.

Trong quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện H tạm giữ những vật chứng gồm:

01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh da trời, viền đen;

01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu vàng, biển kiểm soát: 93C1-057.13.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 12/12/2015 Cơ quan điều tra tạm giữ trên đường Quốc lộ 13 thuộc tổ 01, khu phố Đ, phường H, thị xã Bình Long gồm: 01 đôi dép màu đen - trắng.

Tại biên bản xác định hiện trường ngày 19/12/2015 Cơ quan điều tra thu giữ ở suối C thuộc tổ 02, ấp T, xã T, thị xã Long gồm: 01 túi nylon màu xanh bên trong có: 01 túi màu nâu có hoa văn kích thước 14x20cm; 01 cái ví da màu xanh dương (02 góc có kẹp kim loại, có dây khóa kéo) kích thước 10x21cm; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô 93E1-078.32 tên Trần Thị Kim N; 01 Giấy phép lái xe hạng B1, B2 tên Trần Thị Kim N; 01 thẻ bảo hiểm y tế tên Bàng Thị Linh A; 01 thẻ ATM có chữ Sacombank; 01 thẻ ATM có chữ Agribank – Trần Thị Kim N; 01 Giấy chứng minh nhân dân số 285084334 tên Trần Thị Kim N; 01 tờ tiền mệnh giá 200 VNĐ (hai trăm đồng), 01 tờ tiền mệnh giá 5 VNĐ (năm đồng), 06 tờ tiền nước ngoài; 01 cái áo mưa còn vỏ bọc có ghi chữ N; 01 bản pho to Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi chữ AO 128122; 01 đôi găng tay màu tím, 01 đôi vớ (tất) màu xám, 01 đôi găng tay màu vàng; Chùm chìa khóa có 10 chìa; 01 khẩu trang liền nón trùm đầu màu trắng có hoa văn; 03 bịch thuốc dạng viên nén; 01 mảnh nhựa đen kích thước 8,2x5 cm, có chữ Sony Ericson Xperia, 01 mảnh nhựa màu đen dính kim loại kích thước 4,2 x 3,8cm, 01 bo mạch điện tử có dây điện 4x3,6cm; 02 xấp giấy có dòng chữ "Cước đường bộ, trạm thu phí số 02 quốc lộ 13" bị ướt; 01 thẻ bảo hành Honda có chữ "Trần Thị Kim N", 01 sổ bảo hành Honda tên Trần Thị Kim N; 01 sổ khám bệnh mang tên Trần Thị Kim N của Bệnh viện đa khoa thị xã Bình Long; 01 số giấy tờ khác bị ướt, rách không xác định rõ.

Tại biên bản xác định hiện trường ngày 19/12/2015 Cơ quan điều tra thu giữ tại ấp 02, xã L, huyện L 01 cục đá không rõ hình dạng kích thước 20x7cm và một số mảnh nhựa bị vỡ màu đen trong đó có 01 mảnh có dòng chữ 1239-7073. 1239-6699.

Tại biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 19/12/2015 bà Phạm Thị Ngọc L vợ ông Hoàng Văn H giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 xe mô tô Airblade biển số 93E1-078.32, kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Thị Kim N; 01 giấy phép lái xe tên Trần Thị Kim N ký hiệu M863564; giấy chứng minh nhân dân số 285265834 tên Nguyễn Anh N; 01 giấy phép lái xe số 790157130984 tên Nguyễn Anh N.

Tạm giữ của chị Trần Thị Kim N 01 mũ bảo hiểm màu Đen - Đỏ - Trắng, có kính chắn gió và dòng chữ Everest, mặt ngoài phía sau có vết trầy xước.

Bùi Xuân V giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 mủ bảo hiểm màu hồng, sọc màu trắng, có vết trầy xước, 01 điện thoại Nokia C2, màu xám có sim thuê bao số 0169.8777377.

Ngày 20/12/2015 ông Bùi Xuân P cha của V giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 mủ bảo hiểm màu đỏ, sọc trắng có chữ "Viettel" màu xanh, hai bên có dòng chữ

"mạng phủ song rộng khắp", đây là nón bảo hiểm V sử dụng đánh chị N chiếm đoạt tài sản.

Ngày 21/12/2015 bà Vũ Thị Q mẹ ruột Hồ Văn Đ nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) ; ngày 14/4/2016 bà Phan Ngọc N mẹ của Bùi Xuân V nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 2.250.000đ (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị về vật chứng:

Đối với xe mô tô hiệu Airblade biển kiểm soát 93E1-078.32, các tài sản, đồ vật và giấy tờ của chị Trần Thị Kim N đã được cơ quan CSĐT Công an thị xã L trả lại cho chủ sở hữu nên đề nghị không xem xét; căn cứ Điều 41 của BLHS và Điều 76 của Bộ luật TTHS đề nghị Hội đồng xét xử: tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, 01 điện thoại di đồng Nokia C2 màu xám, có sim thuê bao 0169.8777377 và 01 xe Mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu vàng, biển kiểm soát 93C1-057.13 của Lê Phúc H, số tiền 4.500.000 đồng là số tiền bán tài sản do phạm tội mà có đã được gia đình Bùi Xuân V và Hồ Văn Đ giao nộp; tịch thu, tiêu hủy: 01 cục đá và các mảnh vỡ điện thoại di động, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, sọc trắng có chữ "Viettel" màu xanh, hai bên có dòng chữ "mạng phủ sóng rộng khắp" V sử dụng làm công cụ phạm tội; đề nghị hoàn trả 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Anh N cho người có tên trên giấy phép lái xe.

Các tài sản thuộc quyền sở hữu của chị Trần Thị Kim N đã hoàn trả cho chị N nên không tiếp tục xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình các bị cáo Hồ Văn Đ, Bùi Xuân V và Lê Phúc H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho những người bị hại, do chị Mai Cao N, anh Điểu T, ông Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Kim N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên phần dân sự đề nghị không đề cập đến. Các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm được về đoàn tụ gia đình và hòa nhập cộng đồng, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H và thị xã L, tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với hành vi cướp tài sản: lợi dụng đêm tối đoạn đường ít người qua lại, Đ và V dùng thủ đoạn để chướng ngại vật ngoài đường làm cho người đi xe mô tô

ngang qua phải giảm tốc độ sau đó Đ chạy xe ép sát người bị hại và giật lấy chìa khóa xe khi người bị hại hoảng sợ bỏ chạy thì V và Đ chiếm lấy tài sản; bị cáo Đ và V dùng xe Mô tô ép xe mô tô của chị Trần Thị Kim N đang lưu thông trên đường và dùng chân đạp chị N ngã xuống đường và dùng mũ bảo hiểm đánh chủ sở hữu tài sản để chiếm đoạt tài sản đem bán lấy tiền tiêu xài nên Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Đ và V phạm tội cướp tài sản theo điểm d khoản 02 điều 133 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản: vào các ngày 28/10/2015 và 02/12/2015 lợi dụng lúc đêm khuya, người bị hại do say rượu ngủ say lại để tài sản gần đường trong lô cao su cũng như lợi dụng nhà Đ có tổ chức tiệc nhậu đông người ra vào ít ai để ý Đ và V lén lút chiếm đoạt tài sản của người bị hại Điểu T và Nguyễn Minh T đem bán cho Lê Phúc H với giá mỗi chiếc xe 4.000.000 đồng, riêng H biết rõ nguồn gốc 2 chiếc xe mà Đ và V bán là do trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố Đ và V tội trộm cắp tài sản theo khoản 01 Điều 138, truy tố Lê Phúc H về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 01 Điều 250 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Hành vi của bị cáo Đ và V là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự tại địa phương, hành động phạm tội một cách táo tợn, thực hiện bằng được hành vi phạm tội; làm hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, do muốn có tiền tiêu xài nên Đ và V đã bàn bạc với nhau cướp và trộm cắp tài sản. Mặc dù lời khai các bị cáo có mâu thuẫn với nhau về việc ai là người gợi ý đề xướng nhưng về cơ bản khi đã có ý tưởng thì cả hai đều thực hiện, đối với vụ cướp tài sản ngày 30/9 thì Đ là người trực tiếp khống chế bị hại làm cho bị hại bỏ chạy để lại tài sản sau đó phải có sự hỗ trợ giúp sức của V mới đem tài sản cất giấu và qua hôm sau V là người đem tài sản đi bán lấy tiền và V chia cho Đ số tiền ít hơn V; đối với vụ cướp tài sản vào ngày 11/12/2015 Bùi Xuân V là người trực tiếp dùng vũ lực để tấn công người bị hại để chiếm đoạt tài sản nhưng Đ là người giúp sức tích cực, điều khiển phương tiện ép sát người bị hại đang lưu thông trên đường để V thực hiện. Đối với vụ trộm ngày 28/10 thì khi Đ thấy tài sản nói cho V để trộm sau đó cả hai cùng đến nơi có tài sản và lần này V là người trực tiếp lấy đồng thời có sự giúp sức của Đ đưa xe về gửi tại nhà Trần Duy T, sau đó Đ đưa H tới lấy xe bán, lần này Đ chia tiền cho V ít hơn Đ. Lần lấy xe ngày 02/12 tại nhà Đ thì Đ là người thông báo cho V và là người đưa V đến nhà của Đ và tạo điều kiện cho V thực hiện việc lấy xe của ông T đem bán cho H nhưng chưa lấy được tiền thì bị phát hiện. Cho thấy vai trò của các bị cáo là như nhau. Về tình tiết tăng nặng các bị cáo Đ, V đều có chung tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần đối với tội trộm cắp tài sản và cướp tài sản.

Hành vi biết tài sản do Đ và V phạm tội mà có mà vẫn tiêu thụ của bị cáo H đã cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Hành vị của bị cáo H

là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tài sản của người khác, bản thân bị cáo đã trưởng thành có năng lực hành vi hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; bị cáo H hai lần tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có nên cũng chịu tình tiết tăng nặng như V và Đ quy định tại điểm g khoản 01 Điều 48 Bộ luật hình sự; bị cáo Đ và bị cáo H đều có nhân thân xấu như ngày 05/01/2014 bị cáo Đ phạm tội Hiếp dâm, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H khởi tố nhưng bị hại rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết vụ án và xử phạt hành chính 200.000 đồng và đã chấp hành xong; ngày 03/6/2011 bị cáo Lê Phúc H bị TAND huyện H xét xử, xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, nay bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích; quá trình điều tra bị cáo H đã trốn tránh gây sự khó khăn cho cơ quan điều tra nên phải truy nã để phục vụ điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã bị bắt truy nã. Từ những phân tích trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của các bị cáo thực hiện nên cần áp dụng hình phạt có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính trừng phạt và giáo dục tội phạm; tuy nhiên các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình của bị cáo Đ, V và H có sự tác động của các bị cáo nên đã khắc phục hậu quả cho các bị hại, cụ thể gia đình bị cáo H đã bồi thường số tiền cho anh T 7.000.000 đồng, ông T 20.000.000 đồng, gia định bị cáo V bồi thường cho chị N 4.550.000 đồng, anh T 10.000.000 đồng, gia đình bị cáo Đ bồi thường cho chị N 4.550.000 đồng bị hại anh T có yêu cầu xin giảm nhẹ cho H, V; bị hại Trần Thị Kim N yêu cầu bồi thường 20.026.928 đồng nhưng ông Bùi Xuân P là cha của bị cáo V đã bồi thường cho bị hại N số tiền 10.000.000 đồng, bị hại N không yêu cầu gì thêm; người bị hại T có yêu cầu xin giảm nhẹ cho bị cáo H, cha của bị cáo V là ông Bùi Xuân P có công với Cách mạng, được Bộ trưởng Bộ quốc phòng trao tặng Bằng khen, ông Hồ Ngọc T là cha của bị cáo Đ được Chủ tịch nước phong tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo Đ sau khi phạm tội vì sợ nên đã bỏ trốn sau đó ra đầu thú và khai báo toàn bộ sự việc nên bị cáo V và Đ được hưởng tình tiết giam nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 01, khoản 02 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Phúc H do bị cáo bị tạm giam ngày 03/2/2016; Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử bị cáo 06 (sáu) tháng tù, do bị cáo Đ và bị cáo V kháng cáo bản án của TAND huyện H và Tòa án nhân dân thị xã L, thời gian tạm giam đã hết 06 tháng nên bị cáo được trả tự do; ngày 18/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú; sau khi 2 bản án của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B và Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh B bị hủy để nhập 2 vụ án thành 01 vụ án thì do bị cáo Lê Phúc H đã trốn khỏi địa phương nên bị bắt theo Lệnh truy nã và bị bắt

tạm giam từ ngày 18/5/2017 cho đến nay, tổng cộng bị cáo Lê Phúc H đã bị tạm giữ tạm giam tính đến ngày xét xử là 09 tháng 03 ngày.

[3] Tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị áp dụng về tội danh và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nên chấp nhận.

[4] Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận, xử lý như sau:

01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280, màu xanh da trời, viền đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu vàng, biển số kiểm soát: 93C1-057.13 của bị cáo H và 01 điện thoại di đồng Nokia C2 màu xám, có sim thuê bao 0169.8777377 của bị cáo V là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu hóa giá sung công qũy nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình các bị cáo đã bồi thường, khắc phục cho các bị hại, các bị hại không yêu cầu gì, tại phiên tòa những người liên quan không yêu cầu, đề nghị gì thêm nên Hội đồng không xem xét.

[6] Lời nói sau cùng của các bị cáo phù hợp nên Hội đồng xét xử xem xét.

[7] Án phí: các bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh:

Tuyên bố: Hồ Văn Đ, Bùi Xuân V phạm tội "Cướp tài sản" và "Trộm cắp tài sản"; Lê Phúc H phạm tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm d khoản 02 Điều 133, điểm b,p khoản 01, 02 Điều 46, điều 20, 33, điểm g khoản 01 Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Văn Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp tài sản"; áp dụng khoản 01 Điều 138, điểm b,p khoản 01, 02 Điều 46, Điều 20, 33, điểm g khoản 01 Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Văn Đ 01(một) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung bị cáo Hồ Văn Đ phải chịu 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính tù ngày 26/01/2016.

- Áp dụng điểm d khoản 02 Điều 133, điểm b,p khoản 01, 02 Điều 46, điều 20, 33, điểm g khoản 01 Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Xuân V 07 (bảy) năm tù về tội "Cướp tài sản"; áp dụng khoản 01 Điều 138, điểm b,p khoản 01, 02 Điều 46, Điều 20, 33, điểm g khoản 01 Điều 48 và Điều 53 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị Bùi Xuân V 09(chín) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng

Điều 50 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung bị cáo Bùi Xuân V phải chịu 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tính tù ngày 19/12/2015.

- Áp dụng khoản 01 Điều 250, điểm b,p khoản 01,02 Điều 46, điểm g khoản 01 Điều 48, các Điều 20, 33, Điều 227 và Điều 53 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Phúc H 09 (chín) tháng 03 (ba) ngày tù. Thời gian phạt tù bằng thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam. Tuyên bố trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Hồ Văn Đ, Bùi Xuân V 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

[3] Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với xe mô tô hiệu Airblade biển kiểm soát 93E1-078.32, các tài sản, đồ vật và giấy tờ của chị Trần Thị Kim N đã được cơ quan CSĐT Công an thị xã L trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280 và 01 xe Mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu vàng, biển kiểm soát 93C1-057.13 của Lê Phúc H và 01 điện thoại di đồng Nokia C2 màu xám, có sim thuê bao 0169.8777377 của Bùi Xuân V, số tiền 4.500.000 đồng là số tiền bán tài sản do phạm tội mà có đã được gia đình Bùi Xuân V và Hồ Văn Đ giao nộp; tịch thu, tiêu hủy: 01 cục đá và các mảnh vỡ điện thoại di động, 01 mũ bảo hiểm màu đỏ, sọc trắng có chữ "Viettel" màu xanh, hai bên có dòng chữ "mạng phủ sóng rộng khắp" V sử dụng làm công cụ phạm tội; đề nghị hoàn trả 01 giấy phép lái xe tên Nguyễn Anh N cho người có tên trên giấy phép lán xe.

(*Theo quyết định chuyển vật chứng số 13/QĐ-VKS ngày17/5/2016 của viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện H và biên bản giao nhận ngày 25/5/2016 và Quyết định chuyển vật chứng số 15 /QĐ-VKS ngày 13/5/2016 của viện trưởng viện kiểm sát nhân dân thị xã L và biên bản giao nhận ngày 13/5/2016*)

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi sự việc xảy ra, gia đình các bị can Hồ Văn Đ, Bùi Xuân V và Lê Phúc H đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho những người bị hại, do chị Mai Cao N, anh Điểu T, ông Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Kim N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên phần dân sự đề nghị không đề cập đến.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị cáo Hồ Văn Đ, Bùi Xuân V, Lê Phúc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Đình Học

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện H;
- Bị cáo và đương sự;
- Bộ phận HSNVCS CA H;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện H;